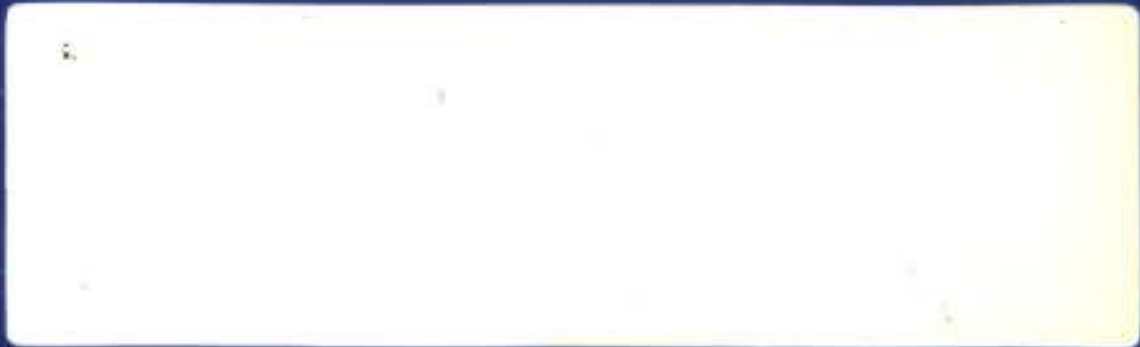




CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited



Thành viên hãng **AGN International** | A member firm of **AGN International**

Kiểm toán - Audit | Thuế - Tax | Tư vấn - Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CẢN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 53

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Rodrigo E. Franco	Thành viên
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Denn Charly Gonzales Espanola	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Chính	Giám đốc tài chính (bổ nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)
Ông Nguyễn Văn Thông	Giám đốc tài chính (miễn nhiệm ngày 1 tháng 3 năm 2017)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Nhóm Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Nhóm Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Nhóm Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Nhóm Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2018



Số: 698/2018/BCKT-IFCHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") và các công ty con (sau đây gọi chung là "Nhóm Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 53, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Nhóm Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Phạm Thị Toan
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2767-2014-072-1



CÔNG TY CỔ
PHẦN ĐẦU TƯ
CẦU ĐƯỜNG CII

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
DN: email=maitranluciac@gmail.com,
cn=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU
ĐƯỜNG CII, o=MST0300482241, l=70 Lê
Gia, Phường 15, Quận 11, Thành Phố Hồ
Chí Minh, c=VN
Date: 2018.03.27 16:10:03 +07'00'

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.769.552.473.756	1.876.217.501.605
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	771.520.852.883	799.676.241.298
1. Tiền	111		19.320.852.883	34.007.125.679
2. Các khoản tương đương tiền	112		752.200.000.000	765.669.115.619
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		205.255.346.085	15.842.590.331
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15.a	205.255.346.085	15.842.590.331
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.724.735.294.490	837.057.659.101
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6.a	295.155.602.350	320.609.474.143
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	380.639.413.347	21.895.916.812
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	197.808.101.513	232.035.671.296
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	856.739.752.202	267.591.748.201
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(5.607.574.922)	(5.075.151.351)
IV. Hàng tồn kho	140	11	37.792.560.475	80.316.645.586
1. Hàng tồn kho	141		38.420.168.047	81.355.675.257
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(627.607.572)	(1.039.029.671)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.248.419.823	143.324.365.289
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		294.016.743	323.529.270
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.323.008.999	141.222.795.083
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	20.a	1.631.394.081	1.778.040.936
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		7.075.390.194.316	6.444.904.113.125
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.050.673.158.780	1.090.190.075.748
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6.b	-	262.140.216.993
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	231.425.250.000	231.425.250.000
3. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	819.247.908.780	596.624.608.755
II. Tài sản cố định	220		3.272.009.774.630	1.821.750.070.720
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	8.208.523.930	62.835.654.087
- Nguyên giá	222		19.768.089.143	107.435.893.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.559.565.213)	(44.600.239.737)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.263.801.250.700	1.758.914.416.633
- Nguyên giá	228		3.997.645.930.995	2.315.408.540.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(733.844.680.295)	(556.494.124.009)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.288.887.559.262	3.034.392.273.789
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.288.887.559.262	3.034.392.273.789
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		160.945.562.010	293.960.350.008
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	160.945.562.010	156.246.769.048
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15.a	-	137.713.580.960
V. Tài sản dài hạn khác	260		302.874.139.634	204.611.342.860
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	240.644.855.102	97.110.644.244
2. Lợi thế thương mại	269	17	62.229.284.532	107.500.698.616
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		9.844.942.668.072	8.321.121.614.730

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.757.108.041.004	5.302.872.639.911
I. Nợ ngắn hạn	310		2.237.891.062.779	1.143.166.573.901
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	87.315.951.162	72.332.563.999
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	8.802.866.142	17.163.841.856
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20.b	30.368.529.192	20.788.800.432
4. Phải trả người lao động	314		1.116.138.916	831.747.524
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	34.323.785.064	49.841.687.345
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		246.199.004	246.200.094
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	22.a	628.186.794.700	329.456.805.210
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	23.a	1.445.291.730.000	648.492.633.348
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.239.068.599	4.012.294.093
II. Nợ dài hạn	330		4.519.216.978.225	4.159.706.066.010
1. Phải trả dài hạn khác	337	22.b	1.488.311.758	79.156.511.758
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	23.b	4.404.298.691.235	3.967.119.579.020
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	24	113.429.975.232	113.429.975.232
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.087.834.627.068	3.018.248.974.819
I. Vốn chủ sở hữu	410	25	3.087.834.627.068	3.018.248.974.819
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		51.283.335.276	37.726.295.629
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		486.700.922.072	524.577.588.133
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		339.165.885.928	346.934.283.296
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm này	421b		147.535.036.144	177.643.304.837
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		617.644.971.624	523.739.692.961
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		9.844.942.668.072	8.321.121.614.730


 Dương Thị Nhung
 Người lập biểu
 Ngày 23 tháng 3 năm 2018


 Nguyễn Văn Chính
 Kế toán trưởng




 Nguyễn Văn Thành
 Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	556.520.934.409	443.217.660.834
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	16.050.705.731	9.088.002.723
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	540.470.228.678	434.129.658.111
4. Giá vốn hàng bán	11	27	187.314.142.523	232.026.234.328
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		353.156.086.155	202.103.423.783
6. Doanh thu hoạt động tài chính (*)	21	28	367.584.211.195	482.107.441.323
7. Chi phí tài chính	22	29	279.475.730.389	143.240.549.574
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		228.632.020.530	143.240.238.629
8. Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	15.b	4.592.792.962	16.902.716.353
9. Chi phí bán hàng	25	30	29.503.979.282	22.597.837.601
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	136.260.001.211	102.327.381.183
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	30		280.093.379.430	432.947.813.101
12. Thu nhập khác	31	32	720.346.438	562.646.522
13. Chi phí khác	32	33	1.041.686.804	863.370.352
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(321.340.366)	(300.723.830)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		279.772.039.064	432.647.089.271
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	35	51.893.226.538	35.038.604.752
17. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	24	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		227.878.812.526	397.608.484.519
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		162.374.543.678	327.547.782.386
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		65.504.268.848	70.060.702.133
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	36	833	1.684

(*) Trong năm, Nhóm Công ty phát sinh một khoản thu nhập tiềm tàng với giá trị ước tính là 16.298.395.752 VND có được từ chênh lệch lãi suất thực tế và lãi suất được dùng để tính thời gian khai thác hoàn vốn theo hợp đồng B.O.T, chi tiết tại Thuyết minh số 39. Nếu Nhóm Công ty ghi nhận giá trị tài sản tiềm tàng này vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm thì khoản mục lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty là 244.177.208.278 VND.


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 3 năm 2018


Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	279.772.039.064	432.647.089.271
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư và lợi thế thương mại	02	226.001.111.530	166.155.374.041
Các khoản dự phòng	03	532.423.571	1.710.092
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(1.569.394)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(321.729.998.875)	(485.698.294.640)
Chi phí lãi vay	06	228.632.020.530	143.240.238.629
Các khoản điều chỉnh khác	07	16.050.705.731	8.992.821.912
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	429.258.301.551	265.337.369.911
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(505.104.465.083)	(13.104.981.855)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(15.030.059.610)	(5.701.005.299)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	18.242.674.531	(33.159.191.691)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	(20.630.699.722)	(816.603.580)
Tiền lãi vay đã trả	14	(252.961.920.920)	(163.558.462.839)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(39.885.894.774)	(28.961.803.333)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(1.697.798.443)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(386.112.064.027)	18.337.522.871
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.286.908.259.732)	(682.713.287.830)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	251.472.854.963	251.491.036.781
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(410.217.755.754)	(429.550.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	255.032.569.783	566.775.226.123
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(5.079.502.488)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	77.141.730.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	158.093.430.572	209.142.712.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.032.527.160.168)	(12.792.084.538)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2017	2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	171.701.000.000	5.000.000
2. Tiền trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(25.192.080.000)	(25.192.080.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	2.027.116.434.775	1.122.811.686.444
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(532.225.409.227)	(767.890.938.125)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(250.916.109.768)	(274.753.009.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.390.483.835.780	54.980.658.694
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(28.155.388.415)	60.526.097.027
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	799.676.241.298	739.148.574.877
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	1.569.394
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	771.520.852.883	799.676.241.298


Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia cho Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII theo hợp đồng đã ký vào ngày 6 tháng 10 năm 2014. Công ty đã ghi nhận giảm giá trị tài sản thuần của công ty con tương ứng với giảm khoản phải trả dài hạn khác là 78 tỷ VND vào Bảng cân đối kế toán hợp nhất mà không ảnh hưởng đến các dòng tiền phát sinh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất do Công ty đã nhận trước phí chuyển nhượng ngay tại thời điểm ký hợp đồng.


Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 3 năm 2018


Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và các lần thay đổi.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CIIT"), trụ sở tại số 50 Tôn Thất Đạm, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,31%.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Nhóm Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc, tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích; xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Hoạt động chính của Nhóm Công ty trong năm là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Nhóm Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 12 tháng 1 năm 2017, Công ty thực hiện góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII với số tiền là 96 tỷ VND để công ty con này thực hiện tạm ứng cho hợp đồng nhận chuyển nhượng 51% vốn góp vào Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên từ Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc.

Trong năm Công ty đã thực hiện góp đủ vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu theo tỷ lệ đăng ký góp cho số vốn điều lệ tăng của công ty con này để thực hiện dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng Quốc lộ 60 nối từ cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên.

Ngày 20 tháng 2 năm 2017, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia cho Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII theo hợp đồng đã ký vào ngày 6 tháng 10 năm 2014. Do đó Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia không còn là công ty con của Công ty kể từ ngày này. Công ty không hợp nhất số liệu của công ty con này kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đang đầu tư vào tám (8) công ty con và hai (2) công ty liên doanh, liên kết, bao gồm các công ty đầu tư trực tiếp và gián tiếp thông qua các công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty đang được đầu tư như sau:

Công ty con

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	89,98%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
2. Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	Tp. Hồ Chí Minh	51%	51%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
3. Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
4. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	100%	100%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
5. Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII	Tp. Hồ Chí Minh	99,99%	99,99%	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
7. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	51,24%	51,24%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
8. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG (Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty CP Cầu đường Hiền An Bình)	Tỉnh Bình Dương	99,99%	99,99%	Đầu tư, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1. Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Tp. Hồ Chí Minh	10%	10%	Đầu tư, xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
2. Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Tỉnh Bình Dương	45%	45%	Cung cấp dịch vụ thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ và các dịch vụ hạ tầng khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Nhóm Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con đồng nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ và được trình bày là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, giá trị của khoản đầu tư ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần sở hữu của Nhóm Công ty trong phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Nhóm Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Nhóm Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Nhóm Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Nhóm Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Nhóm Công ty vào công ty liên kết, được loại trừ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Nhóm Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Nhóm Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được ghi nhận là một loại tài sản dài hạn trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính nhưng không quá 10 năm. Khi bán công ty con, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng. Định kỳ, Công ty phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ khoản lợi thế thương mại này.

Lãi từ nghiệp vụ mua giá rẻ

Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh do giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất tại thời điểm phát sinh.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Nhóm Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Nhóm Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Nhóm Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Nhóm Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Nhóm Công ty bao gồm giá trị quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Nhóm Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Nhóm Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu giá mà Nhóm Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các Quyền thu giá có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu giá trong tương lai, giá trị của quyền thu giá được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu giá của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Nhóm Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T mà Nhóm Công ty đầu tư vốn từ ban đầu là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ của dự án.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Nhóm Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Nhóm Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Trái phiếu phát hành

Nhóm Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Nhóm Công ty theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí sản xuất kinh doanh hoặc vốn hoá theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu;

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân (x) với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ vào chi phí đi vay trong kỳ theo phương pháp nhất quán với việc phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty mẹ phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ. Công ty mẹ không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trong giai đoạn thu giá được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé cầu đường dưới các hình thức theo mức quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường bộ nhất định mà Nhóm Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T và B.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Nhóm Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hàng năm của dự án. Nhóm Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính tại công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013 trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Lãi vốn chủ của các dự án B.T được ghi nhận khi khoản lãi này được xác định một cách chắc chắn với cơ quan chủ quản tiếp nhận công trình. Khoản lãi này được tính dựa trên tỷ lệ lãi vốn chủ được quy định cụ thể trên từng hợp đồng B.T trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Nhóm Công ty đã đầu tư cho dự án.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Nhóm Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Nhóm Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Nhóm Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Nhóm Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Ngoại tệ (tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này theo nguyên tắc: Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản được chuyển đổi theo tỷ giá mua và các khoản mục được phân loại là nợ phải trả được chuyển đổi theo tỷ giá bán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ nếu Nhóm Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Nhóm Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Nhóm Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Thuế (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Nhóm Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông số hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	1.281.765.748	348.352.758
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.039.087.135	33.658.772.921
Các khoản tương đương tiền	752.200.000.000	765.669.115.619
Cộng	771.520.852.883	799.676.241.298

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tiết kiệm có thời hạn gốc dưới 3 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	262.140.722.303	251.418.309.508
Các khách hàng khác	33.014.880.047	69.191.164.635
Cộng	295.155.602.350	320.609.474.143
b. Dài hạn		
Phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giá trị đầu tư dự án B.T xây dựng Cầu Sài Gòn (i)	-	262.140.216.993
Cộng	-	262.140.216.993
<i>Trong đó, phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>		
Công ty CII	324.990.000	324.990.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	70.400.000	422.400.000
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	1.830.943.576	-
Cộng	2.226.333.576	747.390.000

(i) Số dư khoản phải thu Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến giá trị xây dựng, lãi bảo toàn vốn chủ và lãi trả chậm của Dự án Cầu Sài Gòn. Khoản phải thu này được cam kết hoàn trả trong thời gian 5 năm, chia đều thành 10 kỳ, kỳ đầu tiên bắt đầu ngày 12 tháng 6 năm 2014, kỳ cuối cùng sẽ kết thúc vào ngày 12 tháng 12 năm 2018. UBND Thành phố Hồ Chí Minh cam kết trả lãi chậm thanh toán cho số dư nợ tại mỗi kỳ thanh toán (xem Thuyết minh 28).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Công ty CII E&C	262.862.809.288	7.007.412.334
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mô Cày Nam	46.877.839.000	-
Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Mô Cày Bắc	42.936.595.000	-
Công ty CP LICOGI 13	13.563.000.000	-
Công ty TNHH Điện tử Philips Việt Nam	-	3.910.652.130
Công ty TNHH MTV Kiến và Ong	-	2.644.840.000
Các đối tượng khác	14.399.170.059	8.333.012.348
Cộng	380.639.413.347	21.895.916.812
<i>Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan</i>		
Công ty CII E&C	262.862.809.288	7.007.412.334
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	2.351.000.000	-
Cộng	265.213.809.288	7.007.412.334

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CII (i)	180.748.101.513	229.035.671.296
Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	360.000.000	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư Thương mại Xây dựng Hoa Lư	7.000.000.000	-
Công ty TNHH Quốc Vương	4.700.000.000	3.000.000.000
Công ty Xây dựng 123 - CN Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 1	2.000.000.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Thành Đạt	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Thu Trang	1.000.000.000	-
Công ty Cổ phần LICOGI 13	1.000.000.000	-
Cộng	197.808.101.513	232.035.671.296
b. Dài hạn		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc (ii)	231.425.250.000	231.425.250.000
<i>Trong đó, phải thu về cho vay là các bên liên quan</i>		
Công ty CII	180.748.101.513	229.035.671.296

- (i) Số dư cuối kỳ theo hợp đồng cho vay có thời hạn 12 tháng, đáo hạn vào ngày 12 tháng 12 năm 2017 với lãi suất cho vay là 11%/năm.
- (ii) Khoản cho vay theo hợp đồng đã ký ngày 24 tháng 4 năm 2015 với Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận. Khoản cho vay này sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Lãi suất áp dụng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,5%/năm. Khoản cho vay này được đảm bảo bởi cổ phần mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu tại Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

9. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Phải thu về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	102.762.325.369	92.125.094.325
Phải thu Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh	481.432.609.768	-
Phải thu Công ty CP Hoàng An	52.420.364.500	-
Khoản tạm ứng lợi nhuận cho cổ đông không kiểm soát của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	58.989.094.371	77.667.820.165
Trả trước tiền mua phần vốn góp trong Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	96.000.000.000	-
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	14.884.670.748	8.992.821.910
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	1.554.713.311	-
Khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	12.596.040.000	12.596.040.000
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	894.000.000	3.651.471.341
Lãi tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dự thu	2.065.451.711	821.634.100
Ký cược, ký quỹ	9.000.000	9.000.000
Phải thu người lao động	282.010.167	2.329.876.051
Các khoản chi hộ	63.173.713	65.971.849
Lãi cho vay phải thu	-	35.116.638.862
Phải thu đối tượng khác	32.786.298.544	34.215.379.598
Cộng	856.739.752.202	267.591.748.201
b. Dài hạn		
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	648.738.949.820	491.883.070.230
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	78.144.521.427	98.921.041.013
Lãi bảo toàn vốn chủ Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	31.482.944.545	-
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	55.060.995.476	-
Đặt cọc mua cổ phần Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	5.820.497.512	5.820.497.512
Cộng	819.247.908.780	596.624.608.755
<i>Trong đó, phải thu khác là các bên liên quan</i>		
Phải thu Công ty CII về vốn và lãi hợp tác đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	102.762.325.369	92.125.094.325
Phải thu Công ty CII về khoản trả trước tiền mua cổ phần của Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn	12.570.900.000	12.570.900.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	3.624.100.000	4.788.613.341
Cộng	118.957.325.369	109.484.607.666

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGÂN HẠN KHÓ ĐÒI

	31/12/2017		01/01/2017		Thời gian thu hồi quá hạn	Đổi tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi quá hạn VND		
Phải thu tiền ứng trước tiền hàng	820.000.000	- >3 năm	820.000.000	- >3 năm		Công ty CP Kim Sơn Hải
Phải thu thi công công trình	546.339.201	- >3 năm	546.339.201	- >3 năm		Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị
Phải thu thi công công trình	-	- >3 năm	-	- >3 năm		Công ty Công trình Giao thông 621
Phải thu thi công công trình	2.141.876.483	526.551.716 2-3 năm	1.614.849.071	531.947.875 2-3 năm		Các khách hàng khác
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	528.185.000	- >3 năm	528.185.000	- >3 năm		Công ty TNHH TK KT XD QLDA Sáng Tạo Mới
Ứng trước chi phí thi công, thiết kế	457.951.000	- >3 năm	457.951.000	- 2-3 năm		Công ty TNHH PT Công nghệ Môi trường Phan Việt
Phải thu từ bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ	1.200.655.596	35.396.160 2-3 năm	1.200.655.596	35.396.160 2-3 năm		Các khách hàng khác
Phải thu khác	474.515.518	- >3 năm	474.515.518	- >3 năm		Các đối tượng khác
Cộng	6.169.522.798	561.947.876	5.642.495.386	567.344.035		
Giá trị đã lập dự phòng	5.607.574.922		5.075.151.351			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

11. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	32.650.364	(32.650.364)	11.712.939.047	(32.650.364)
Công cụ, dụng cụ	1.456.000	(1.456.000)	214.640.485	(1.456.000)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.488.713.069	-	49.959.084.382	-
<i>Chi phí thi công, lập đất, duy tu dở dang</i>	18.847.088.719	-	35.130.773.290	-
<i>Chi phí sản xuất dở dang</i>	-	-	2.817.604.614	-
<i>Chi phí cung cấp dịch vụ dở dang</i>	82.197.295	-	99.398.295	-
<i>Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác</i>	18.559.427.055	-	11.911.308.183	-
Thành phẩm	528.730.757	(528.730.757)	14.109.189.603	(940.152.856)
Hàng hóa	368.617.857	(64.770.451)	5.359.821.740	(64.770.451)*
Cộng	38.420.168.047	(627.607.572)	81.355.675.257	(1.039.029.671)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

NGUYÊN GIÁ	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	45.549.474.755	51.982.823.161	8.356.122.207	1.547.473.701	107.435.893.824
Mua trong năm	-	-	1.051.363.636	-	1.051.363.636
Thanh lý trong năm	-	-	(556.201.575)	-	(556.201.575)
Giảm do thanh lý công ty con	(33.258.929.822)	(46.254.605.443)	(4.209.791.564)	8.010.189	(83.715.316.640)
Phân loại sang TSCĐ vô hình	(4.447.650.102)	-	-	-	(4.447.650.102)
Tại ngày 31/12/2017	7.842.894.831	5.728.217.718	4.641.492.704	1.555.483.890	19.768.089.143
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	9.708.039.369	29.148.890.909	4.780.605.345	962.704.114	44.600.239.737
Khấu hao trong năm	652.729.872	513.451.609	660.478.404	344.033.909	2.170.693.794
Thanh lý trong năm	-	-	(556.201.575)	-	(556.201.575)
Giảm do thanh lý công ty con	(5.854.454.224)	(26.037.914.365)	(2.569.191.436)	(132.846.470)	(34.594.406.495)
Phân loại sang TSCĐ vô hình	(60.760.248)	-	-	-	(60.760.248)
Tại ngày 31/12/2017	4.445.554.769	3.624.428.153	2.315.690.738	1.173.891.553	11.559.565.213
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	35.841.435.386	22.833.932.252	3.575.516.862	584.769.587	62.835.654.087
Tại ngày 31/12/2017	3.397.340.062	2.103.789.565	2.325.801.966	381.592.337	8.208.523.930

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.746.525.276 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 44.938.861 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ VND	Quyền sử dụng đất VND	Chương trình phần mềm VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2017	2.306.318.717.192	8.764.823.450	325.000.000	2.315.408.540.642
Mua trong năm	-	-	90.000.000	90.000.000
Xây dựng cơ bản hoàn thành	1.688.626.431.346	-	-	1.688.626.431.346
Giảm do thanh lý công ty con	-	(8.031.674.450)	(100.000.000)	(8.131.674.450)
Phân loại từ TSCĐ hữu hình	4.447.650.102	-	-	4.447.650.102
Điều chỉnh giảm nguyên giá quyền thu phí	(2.795.016.645)	-	-	(2.795.016.645)
Tại ngày 31/12/2017	3.996.597.781.995	733.149.000	315.000.000	3.997.645.930.995
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2017	555.078.932.676	1.248.390.592	166.800.741	556.494.124.009
Khấu hao trong năm	178.524.372.210	-	34.631.442	178.559.003.652
Giảm do thanh lý công ty con	-	(1.248.390.592)	(20.817.022)	(1.269.207.614)
Phân loại từ TSCĐ hữu hình	60.760.248	-	-	60.760.248
Tại ngày 31/12/2017	733.664.065.134	-	180.615.161	733.844.680.295
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2017	1.751.239.784.516	7.516.432.858	158.199.259	1.758.914.416.633
Tại ngày 31/12/2017	3.262.933.716.861	733.149.000	134.384.839	3.263.801.250.700

Thông tin chi tiết về các quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ Nhóm Công ty đang kiểm soát như sau:

a. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 582.631.566.742 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Nhóm Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Nhóm Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu giá hoàn vốn đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 30% doanh thu thu giá của dự án. Việc Nhóm Công ty thực hiện khấu hao quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo tỷ lệ doanh thu đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013. Nhóm Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

a. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm (tiếp theo)

Kể từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, Nhóm Công ty chấm dứt thu giá hoàn vốn đầu tư dự án tại trạm Thành Hải, đồng thời bắt đầu thu giá hoàn vốn đầu tư dự án tại trạm Cà Ná song song với hoạt động thu giá hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính.

b. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.673.564.765.347 VND. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Nhóm Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu giá Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu giá hoàn vốn từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 20% doanh thu thu giá của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

c. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ đường ĐT 741

Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 VND. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Nhóm Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu giá đường ĐT 741 chính thức được đưa vào thu giá hoàn vốn đầu tư từ ngày 1 tháng 9 năm 2011. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77% doanh thu thu giá của dự án.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Nhóm Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 VND, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Nhóm Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu giá so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu giá còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

d. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ cầu Rạch Miễu

Nhóm Công ty được phép thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Tiền Giang. Đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Nguyên giá của tài sản được ghi nhận dựa trên các chi phí mà Nhóm Công ty đã bỏ ra và được tính vào giá trị của dự án là 501.138.270.900 VND. Nhóm Công ty được thu giá hoàn vốn trong khoảng 13 năm 5 tháng bao gồm cả 3 năm tạo lợi nhuận cho nhà đầu tư, dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 8 năm 2022. Nhóm Công ty thực hiện khấu hao quyền thu giá này theo doanh thu với tỷ lệ hiện nay là 28%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (tiếp theo)

d. Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ cầu Rạch Miễu (tiếp theo)

Tại ngày mua Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu - doanh nghiệp đầu tư và quản lý trực tiếp dự án này, Nhóm Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con theo phương pháp chiết khấu dòng tiền phát sinh trong tương lai từ hoạt động thu giá. Theo đó, giá trị quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ được ghi nhận tăng lên 290.719.123.179 VND.

Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên báo cáo tài chính riêng của công ty con. Việc thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý của công ty con được thực hiện bởi công ty có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá trị doanh nghiệp theo quy định của pháp luật. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm đến ngày dự kiến kết thúc thời gian thu giá, phù hợp với thời gian phân bổ lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con này.

Nhóm Công ty đã thế chấp các quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ với tổng nguyên giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.996.597.781.995 VND cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được để đảm bảo cho các khoản vay và nợ (chi tiết tại Thuyết minh số 23).

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 80.000.000 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 80.000.000 VND).

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội (i)	2.228.735.174.053	1.384.522.630.392
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	3.197.490.812	13.557.281.818
Dự án Đầu tư Xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu và cầu Cổ Chiên	55.563.671.466	5.172.808.665
Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	-	1.630.255.986.187
Các dự án khác	1.391.222.931	883.566.727
Cộng	2.288.887.559.262	3.034.392.273.789

(i) Dự án BOT mở rộng Xa lộ Hà Nội được thực hiện theo hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyên giao số 03/2009/HĐ-B.O.T ngày 25 tháng 11 năm 2009 ký với Sở Giao thông Vận tải TP. Hồ Chí Minh. Tổng mức đầu tư của dự án (không bao gồm lãi vay trong thời gian thi công, chi phí sử dụng vốn và thuế VAT) là 2.538.000.000.000 VND, trong đó cơ cấu giữa vốn chủ và vốn vay lần lượt là 20% và 80%. Nhóm Công ty đã sử dụng toàn bộ quyền quản lý, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trên Xa lộ Hà Nội (nhằm hoàn vốn đầu tư Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội), quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội để thế chấp cho khoản vay như đã trình bày ở Thuyết minh số 23.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND
i. Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn	205.255.346.085	205.255.346.085	15.842.590.331	15.842.590.331
ii. Dài hạn				
Vốn hợp tác đầu tư	-	-	137.713.580.960	137.713.580.960

Số dư khoản vốn hợp tác đầu tư thể hiện giá trị phần góp vốn của Nhóm Công ty theo hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty CII để khai thác quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trên Xa lộ Hà Nội, hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu giá được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, hoạt động thu giá đã chính thức chấm dứt do đã thu hồi đủ vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Theo đó, Nhóm Công ty đã ghi nhận giảm giá trị khoản hợp tác đầu tư tương ứng với phần vốn thu hồi từ Công ty CII.

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	154.483.480.000	1.127.632.921	(i)	154.483.480.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	900.000.000	4.434.449.089	(i)	900.000.000
Cộng	155.383.480.000	5.562.082.010		155.383.480.000
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu	160.945.562.010			156.246.769.048

Nhóm Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết tại ngày kết thúc năm tài chính do các công ty này chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên các thị trường chứng khoán. Đồng thời, các quy định hiện hành chưa có các hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết nêu trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (tiếp theo)

Trong năm, giá trị của các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết thay đổi như sau:

	2017 VND
Giá trị ghi nhận tại thời điểm đầu năm	156.246.769.048
Giá trị ghi nhận trong năm	4.592.792.962
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>4.698.792.962</i>
<i>Điều chỉnh giảm do cổ tức đã chia cho Công ty</i>	<i>(106.000.000)</i>
Giá trị ghi nhận tại thời điểm cuối năm	160.839.562.010

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí lãi vay (i)	209.369.146.865	92.975.756.833
Chi phí trung tu cầu đường	30.908.120.767	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	367.587.470	4.134.887.411
Cộng	240.644.855.102	97.110.644.244

(i) Chi phí lãi vay trả trước là chi phí lãi vay tài trợ cho Dự án B.O.T mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm và Dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động và được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ trọng doanh thu. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của cả 2 dự án là 10%.

17. LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

	Giá trị ghi số VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	126.111.699.985
Lợi thể thương mại tăng từ việc mua công ty con trong năm	24.609.611.737
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(43.220.613.106)
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	107.500.698.616
Lợi thể thương mại tăng từ việc mua công ty con trong năm	-
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(45.271.414.084)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	62.229.284.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng thanh toán VND
Phải trả các bên liên quan (i)	35.680.316.043	35.680.316.043	10.621.684.028	10.621.684.028
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	19.350.023.382	19.350.023.382	3.606.270.644	3.606.270.644
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	5.305.055.453	5.305.055.453	7.305.055.453	7.305.055.453
Công ty CP Thương mại Xây dựng Kỹ thuật Thiên Thành	1.360.174.200	1.360.174.200	12.848.254.760	12.848.254.760
Các nhà cung cấp khác	25.620.382.084	25.620.382.084	37.951.299.114	37.951.299.114
Cộng	87.315.951.162	87.315.951.162	72.332.563.999	72.332.563.999

(i) Chi tiết phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan

Công ty CII E&C	20.142.163.818	20.142.163.818	6.443.170.934	6.443.170.934
Công ty CP Cơ khí Điện Lữ Gia	12.680.691.229	12.680.691.229	-	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	2.100.907.520	2.100.907.520	3.333.045.360	3.333.045.360
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	528.734.576	528.734.576	845.467.734	845.467.734
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	227.818.900	227.818.900	-	-
Cộng	35.680.316.043	35.680.316.043	10.621.684.028	10.621.684.028

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 3	3.069.805.150	-
Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	1.161.925.269	-
Công ty CP Sonadezi Giang Điền	2.367.029.000	-
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	35.550.000	2.588.901.450
Công ty CP Đầu tư Long Biên	-	1.472.618.994
Công ty CP Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh	-	6.686.744.492
PPD E&C Co., Ltd	-	2.505.662.330
Các đối tượng khác	2.168.556.723	3.909.914.590
Cộng	8.802.866.142	17.163.841.856

Trong đó, người mua trả tiền trước là các bên liên quan

Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII	35.550.000	2.588.901.450
---------------------------------	------------	---------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	01/01/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	31/12/2017 VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	1.190.995.471	323.716	2.893.407	1.193.565.162
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	10.473.877	10.473.877	-	-
Tiền thuế đất nộp thừa	576.571.588	138.742.669	-	437.828.919
Cộng	1.778.040.936	149.540.262	2.893.407	1.631.394.081
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.549.828.057	34.119.954.851	35.329.521.665	1.340.261.243
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.000.218.859	51.892.902.822	41.183.133.209	28.709.988.472
Thuế thu nhập cá nhân	238.753.516	1.225.596.810	1.146.070.849	318.279.477
Các loại thuế khác	-	28.000.000	28.000.000	-
Các khoản phí và lệ phí	-	115.983.309	115.983.309	-
Cộng	20.788.800.432	87.382.437.792	77.802.709.032	30.368.529.192

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí phải trả về thi công xây dựng, lắp đặt thiết bị, duy tu công trình	1.485.587.670	25.842.213.858
Chi phí lãi vay phải trả	32.641.364.061	21.560.665.311
Chi phí phải trả khác	196.833.333	2.438.808.176
Cộng	34.323.785.064	49.841.687.345

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a. Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	10.591.004	10.685.924
Bảo hiểm xã hội	37.292.887	36.978.067
Bảo hiểm y tế	6.045.843	6.045.843
Bảo hiểm thất nghiệp	398.969	398.969
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	141.904.284.238	91.249.814.031
Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn	392.164.833.606	194.958.833.606
Phải trả chi phí sử dụng vốn	55.129.314.559	29.382.671.749
Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao	6.992.659.506	6.992.659.506
Lãi trái phiếu phải trả	23.318.055.556	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	8.623.318.532	6.818.717.515
Cộng	628.186.794.700	329.456.805.210
b. Dài hạn		
Tiền thu trước của các hộ dân nhận đất khu tái định cư Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	1.236.091.258	904.291.258
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	252.220.500	78.252.220.500
Cộng	1.488.311.758	79.156.511.758
<i>Trong đó, phải trả khác là các bên liên quan</i>		
Công ty CII	607.691.453.105	242.958.111.967
<i>Phải trả tiền gốc hỗ trợ vốn</i>	392.164.833.606	194.958.833.606
<i>Phải trả chi phí sử dụng vốn</i>	55.129.314.559	29.382.671.749
<i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả</i>	141.838.745.345	11.059.435.956
<i>Phải trả lãi trái phiếu</i>	11.001.388.889	-
<i>Phải trả khoản lãi vốn chủ nhận bàn giao</i>	6.992.659.506	6.992.659.506
<i>Phải trả khác</i>	564.511.200	564.511.150
Lãi trái phiếu phải trả Công ty CII E&C	7.566.666.667	-
Phải trả Công ty CII E&C khoản nhận trước giá trị chuyển nhượng cổ phần của Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	-	78.000.000.000
Lãi trái phiếu phải trả Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	4.750.000.000	-
Cộng	620.008.119.772	320.958.111.967

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

a. Ngân hạn

	31/12/2017		Phát sinh trong năm		01/01/2017	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty CII	899.036.130.000	899.036.130.000	513.327.380.000	-	385.708.750.000	385.708.750.000
Ngân hàng Malaysian Banking Berhad	67.000.000.000	67.000.000.000	67.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Long An	13.563.000.000	13.563.000.000	13.563.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	-	-	-	9.056.816.681	9.056.816.681	9.056.816.681
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	-	-	10.107.173.018	10.107.173.018	-	-
Cộng vay ngắn hạn	989.599.130.000	989.599.130.000	613.997.553.018	19.163.989.699	394.765.566.681	394.765.566.681
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 23.b)	455.692.600.000	455.692.600.000	-	-	253.727.066.667	253.727.066.667
Tổng cộng	1.445.291.730.000	1.445.291.730.000			648.492.633.348	648.492.633.348

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	385.708.750.000	12 tháng	28/05/2016	Thả nổi, lãi suất trong năm là 4,25%	Đầu tư góp vốn vào Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc	Cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty CP Đầu tư Xây dựng Tuần Lộc sở hữu
	513.327.380.000			10,5%/năm	Hỗ trợ vốn cho Công ty CP Tập đoàn Yên Khánh và Công ty CP Hoàng An	Cổ phần của Công ty CP BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà hai công ty này sở hữu
	899.036.130.000					
Ngân hàng Malayan Banking Berhad	67.000.000.000	9 tháng	05/06/2018	Thả nổi, lãi suất trong năm là 7,9%	Tài trợ kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội	Khoản vay được bảo lãnh bởi Công ty CII - Công ty mẹ của cả tập đoàn
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Long An	13.563.000.000	126 ngày	22/03/2018	8,5%/năm	Bổ sung vốn thực hiện giai đoạn 2 của Dự án đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cỏ Chiên, tỉnh Bến Tre theo hình thức hợp đồng B.O.T.	Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng SHB Long An với giá trị là 171 tỷ VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	10.000.000.000	78 ngày	16/01/2018	7,25%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn tại BIDV Bến Tre với giá trị là 10,5 tỷ VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Dài hạn

	31/12/2017				01/01/2017			
	Giá trị có khả năng thanh toán VND		Phát sinh trong năm		Giá trị có khả năng thanh toán VND		Nợ gốc VND	
	Nợ gốc VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Nợ gốc VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	
Vay dài hạn	4.460.874.578.906	791.502.881.757	551.474.948.538	4.220.846.645.687	4.220.846.645.687		4.220.846.645.687	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	3.517.294.484.312	484.515.238.089					3.228.641.422.761	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	390.546.568.925	-					402.479.568.925	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	149.212.941.126	11.737.643.668					173.167.669.458	
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	199.622.600.000	259.000.000.000					15.710.000.000	
Ngân hàng TMCP Bán Việt	35.750.000.000	-					145.000.000.000	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	168.447.984.543	-					237.447.984.543	
Công ty CII	-	36.250.000.000					18.400.000.000	
Trái phiếu phát hành	399.116.712.329	400.000.000.000	883.287.671	400.000.000.000	-	-	-	
Trái phiếu HNHG_2017 300 tỷ phát hành tháng 5 năm 2017	299.343.287.671	300.000.000.000					-	
Trái phiếu HNHG_2017 100 tỷ phát hành tháng 7 năm 2017	99.773.424.658	100.000.000.000	226.575.342				-	
Cộng vay và nợ dài hạn	4.859.991.291.235	1.191.502.881.757	552.358.236.209	4.220.846.645.687	4.220.846.645.687		4.220.846.645.687	
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng	(455.692.600.000)	(455.692.600.000)					(253.727.066.667)	
Tổng cộng	4.404.298.691.235	4.404.298.691.235					3.967.119.579.020	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	2.079.924.932.140	15 năm	31/12/2029	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,3%	Đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T	Toàn bộ quyền quản lý, thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11	180.000.000.000		23/07/2020	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10%	Tái trợ cho Dự án Đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 1	Quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ, các quyền lợi phát sinh khác trong quá trình thu giá thuộc dự án và quyền được nhận số tiền bảo hiểm mọi rủi ro cho tài sản thuộc dự án
	1.257.369.552.172	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,8%	Tái trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ dự án
	3.517.294.484.312					
	308.887.945.641	8,5 năm	25/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,5%	Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Sài Gòn	81.658.623.284	7 năm	02/12/2022		Thanh toán giá trị nhận chuyển nhượng vốn góp vào Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được trong tương lai từ các khoản đầu tư
	390.546.568.925					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương	103.800.660.841	10 năm	23/12/2019	Lãi suất trong năm là 9%-9,8%	Đầu tư xây dựng Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4 theo hình thức hợp đồng B.O.T	
	33.674.636.617	10 năm	05/11/2019	Lãi suất trong năm là 9%-9,58%	Tài trợ kinh phí thi công xây lắp giai đoạn 2 Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	Quyền quản lý và thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ theo hợp đồng B.O.T và nguồn thu hợp pháp từ các dịch vụ khác trên tuyến đường thu phí hoàn vốn đầu tư dự án
	11.737.643.668	7 năm	11/06/2024	Thả nổi, lãi suất trong năm là 10,5%	Tài trợ kinh phí trung tu đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	
	149.212.941.126					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	199.622.600.000	2 năm	31/12/2018	Thả nổi, lãi suất trong năm là 8,8%-9,3%	Góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Phát triển Cầu đường CII và góp vốn vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	Các lợi ích thu được trong tương lai từ việc đầu tư vào Công ty CP Xây dựng Cầu Sài Gòn sau khi đảm bảo các nghĩa vụ của CII với Vietinbank liên quan đến gói trái phiếu CII-B2013-1 phát hành bởi CII ngày 17 tháng 4 năm 2013
Ngân hàng TMCP Bản Việt	35.750.000.000	2 năm	20/07/2018	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,5%-10,15%	Tài trợ cho việc hợp tác đầu tư khai thác quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trên Xa lộ Hà Nội hoàn nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc	Các lợi ích kinh tế có được từ khoản hợp tác đầu tư khai thác quyền thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ trên Xa lộ Hà Nội hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	168.447.984.543	12 năm	31/01/2021	Thả nổi, lãi suất trong năm là 9,19%-9,28%	Đầu tư xây dựng dự án cầu Rạch Miễu, quốc lộ 60 nối tỉnh Tiền Giang và Bến Tre	Tất cả các nguồn thu từ dự án

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu HNHC_2017 300 tỷ phát hành tháng 5 năm 2017

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 300 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 19 tháng 5 năm 2017;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 1 năm một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động, tài trợ thanh toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Trái phiếu HNHC_2017 100 tỷ phát hành tháng 7 năm 2017

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 100 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 14 tháng 7 năm 2017;
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 1 năm một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: lãi suất thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần, bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng dành cho cá nhân được công bố bởi Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam + biên độ 3,2%/năm.
- Mục đích: Tăng quy mô vốn hoạt động, tài trợ thanh toán kinh phí hỗ trợ đền bù giải phóng mặt bằng phục vụ cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	455.692.600.000	253.727.066.667
Trong năm thứ hai	269.452.297.458	300.080.933.333
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	371.607.197.136	1.204.129.654.001
Sau năm năm	3.364.122.484.312	2.462.908.991.686
Cộng	4.460.874.578.906	4.220.846.645.687
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(455.692.600.000)	(253.727.066.667)
Số phải trả sau 12 tháng	4.005.181.978.906	3.967.119.579.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Lịch thanh toán trái phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	-	-
Trong năm thứ hai	-	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	400.000.000.000	-
Sau năm năm	-	-
Cộng	400.000.000.000	-
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	-	-
Số phải trả sau 12 tháng	400.000.000.000	-

24. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Bảng cân đối kết toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Tại ngày	Tại ngày	2017	2016
	31/12/2017	01/01/2017	VND	VND
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-
Chênh lệch do đánh giá lại giá trị tài sản của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh (i)	113.429.975.232	113.429.975.232	-	-
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất			-	-

- (i) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời do đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG và Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu như đã nêu tại Thuyết minh số 13. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả này được ghi nhận theo thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi là 20% và được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua giá rẻ hoặc lợi thế thương mại khi hợp nhất kinh doanh mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả sẽ được hoãn nhập khi Nhóm Công ty thanh lý tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	1.928.547.650.000	3.657.748.096	18.378.273.041	469.717.670.076	337.801.648.499	2.758.102.989.712
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	327.547.782.386	70.060.702.133	397.608.484.519
Chia cổ tức	-	-	-	(246.954.908.600)	(65.114.706.386)	(312.069.614.986)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	19.348.022.588	(22.825.976.608)	(2.522.783)	(3.480.476.803)
Hoàn nhập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	744.492.220	-	744.492.220
Mua công ty con	-	-	-	-	204.976.699.613	204.976.699.613
Góp thêm vốn vào công ty con	-	-	-	-	5.000.000	5.000.000
Thoái vốn trong công ty con	-	-	-	(3.651.471.341)	(23.987.180.000)	(27.638.651.341)
Tặng khác	-	-	-	-	51.885	51.885
Tại ngày 01/01/2017	1.928.547.650.000	3.657.748.096	37.726.295.629	524.577.588.133	523.739.692.961	3.018.248.974.819
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	162.374.543.678	65.504.268.848	227.878.812.526
Chia cổ tức	-	-	-	(185.140.574.400)	(116.430.005.575)	(301.570.579.975)
Cổ đông không kiểm soát góp vốn	-	-	-	-	171.701.000.000	171.701.000.000
Thoái vốn trong công ty con	-	-	(122.068)	-	(25.380.178.332)	(25.380.178.332)
Thay đổi phần sở hữu của Công ty mẹ và NCI	-	-	-	1.489.928.346	(1.489.806.278)	-
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	13.557.161.715	(16.600.563.685)	-	(3.043.401.970)
Tại ngày 31/12/2017	1.928.547.650.000	3.657.748.096	51.283.335.276	486.700.922.072	617.644.971.624	3.087.834.627.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu.		

c. Cổ tức

Trong năm, Nhóm Công ty đã thực hiện chia cổ tức đợt 2 của năm 2016 cho cổ đông với tỷ lệ là 16% trên số lượng cổ phiếu đang lưu hành là 192.854.765.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu thu phí giao thông	513.770.869.544	282.152.550.847
Doanh thu thi công, lắp đặt, duy tu công trình	40.844.953.450	85.199.870.936
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.905.111.415	1.878.630.321
Doanh thu bán hàng	-	73.898.763.611
Doanh thu căn hộ Lữ Gia	-	87.845.119
Cộng	556.520.934.409	443.217.660.834
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>		
Hoàn nhập lãi vốn chủ sở hữu	16.050.705.731	8.992.821.912
Giảm giá hàng bán	-	92.047.811
Hàng bán bị trả lại	-	3.133.000
Cộng	16.050.705.731	9.088.002.723
Doanh thu thuần	540.470.228.678	434.129.658.111
<i>Trong đó, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan</i>		
Công ty CII	590.892.000	590.892.000
Công ty CP Cơ khí điện Lữ Gia	1.664.494.160	-
Công ty CII E&C	-	16.641.464.545
Cộng	2.255.386.160	17.232.356.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	146.788.447.530	99.807.575.870
Giá vốn thi công, lắp đặt, duy tu công trình	39.707.902.517	72.571.749.422
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	817.792.476	726.174.536
Giá vốn của thành phẩm đã bán	-	58.846.944.600
Giá vốn căn hộ Lữ Gia	-	73.789.900
Cộng	187.314.142.523	232.026.234.328

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu theo hợp đồng B.O.T	191.059.572.429	125.822.285.502
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	107.821.442.964	86.392.077.895
Lãi trả chậm (i)	68.703.195.802	107.962.164.832
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu giá hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	-	19.667.092.390
Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con	-	138.610.469.024
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	3.651.471.341
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	1.880.339
Cộng	367.584.211.195	482.107.441.323

Trong đó, doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan

Lãi cho vay phải thu Công ty CII	18.499.026.929	15.403.104.219
Lợi nhuận được chia từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu giá hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc với Công ty CII	-	19.667.092.390
Cộng	18.499.026.929	35.070.196.609

(i) Lãi trả chậm được ghi nhận theo quy định trong hợp đồng Xây dựng Chuyển giao Dự án Cầu Sài Gòn. Cụ thể, khoản lãi trả chậm được tính theo chu kỳ 6 tháng với lãi suất trả chậm bằng 7,81%/6 tháng, được tính trên số dư nợ vốn đầu tư mà UBND Thành phố Hồ Chí Minh chưa thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	228.632.020.530	143.240.238.629
Lỗ phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu giá hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc	31.032.528.097	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	19.811.132.397	-
Chi phí tài chính khác	49.365	310.945
Cộng	279.475.730.389	143.240.549.574
<i>Trong đó, chi phí tài chính với các bên liên quan</i>		
Chi phí lãi vay và lãi hợp tác đầu tư phải trả cho Công ty CII	54.227.655.110	24.244.995.955
Lỗ phát sinh từ hợp đồng hợp tác đầu tư khai thác quyền thu giá hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Chiếc với Công ty CII	31.032.528.097	-
Cộng	85.260.183.207	24.244.995.955

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lương nhân viên	5.492.867.314	9.096.890.276
Chi phí dịch vụ thu hộ giá dịch vụ sử dụng đường bộ	21.939.675.176	2.480.162.869
Chi phí in vé thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ	813.802.215	600.967.702
Chi phí hoa hồng bán hàng	-	228.883.299
Chi phí vận chuyển hàng bán	-	3.389.361.900
Các khoản chi phí bán hàng khác	1.257.634.577	6.801.571.555
Cộng	29.503.979.282	22.597.837.601
<i>Trong đó, chi phí bán hàng với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	21.939.675.176	5.717.769.481

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	2017 VND	2016 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	45.271.414.084	66.386.904.378
Chi phí lương nhân viên	15.122.549.679	12.228.167.951
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	4.474.525.672	502.318.668
Chi phí khấu hao tài sản cố định	63.881.050.149	13.908.995.559
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	535.054.309	1.710.092
Chi phí thuê văn phòng	820.785.956	1.433.930.526
Chi phí tiếp khách	1.447.380.785	750.197.744
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	4.707.240.577	7.115.156.265
Cộng	136.260.001.211	102.327.381.183

Trong đó, chi phí quản lý doanh nghiệp với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	945.966.847	1.849.480.843
--	-------------	---------------

32. THU NHẬP KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ cho thuê máy móc thiết bị	384.000.000	384.000.000
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	301.418.680	72.727.273
Thu nhập khác	34.927.758	105.919.249
Cộng	720.346.438	562.646.522

Trong đó, thu nhập khác với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CH	384.000.000	384.000.000
-------------------------------------	-------------	-------------

33. CHI PHÍ KHÁC

	2017 VND	2016 VND
Chi phí tài sản cho thuê	705.503.654	379.984.644
Phạt chậm nộp thuế, truy thu thuế	83.591.962	202.369.491
Phạt vi phạm hành chính về thuế	227.750.278	119.774.562
Chi phí khác	24.840.910	161.241.655
Cộng	1.041.686.804	863.370.352

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	386.499.115	56.481.903.588
Giá mua hàng hóa	-	65.410.373.394
Chi phí nhân công	22.145.039.407	27.715.579.857
Chi phí khấu hao tài sản cố định	180.729.697.446	85.546.369.153
Chi phí dịch vụ mua ngoài	111.612.637.375	91.230.156.251
Chi phí bằng tiền khác	4.688.603.244	5.406.660.319
Cộng	319.562.476.587	331.791.042.562

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	2017		2016	
	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND	Hoạt động được ưu đãi thuế VND	Hoạt động không được ưu đãi thuế VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	279.409.760.366	362.278.698	229.910.625.651	202.736.463.620
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.302.490.857	212.419.748.546	891.004.717	(49.762.020.806)
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	-	-	-	<i>(23.318.563.731)</i>
<i>Lãi chênh lệch do đánh giá lại giá trị hợp lý của khoản đầu tư</i>	-	-	-	<i>(138.610.469.024)</i>
<i>Lãi thanh lý khoản đầu tư vào công ty con trên báo cáo hợp nhất</i>	-	<i>11.113.950.867</i>	-	-
<i>Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết</i>	-	<i>(4.592.792.962)</i>	-	<i>(16.902.716.353)</i>
<i>Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất</i>	-	<i>63.164.390.902</i>	-	<i>36.817.192.652</i>
<i>Lợi thế thương mại phân bổ</i>	-	<i>45.271.414.084</i>	-	<i>43.220.613.106</i>
<i>Hoàn nhập lỗ chịu thuế của các công ty bị bù trừ khi hợp nhất</i>	-	<i>53.982.755.415</i>	-	<i>32.187.053.766</i>
<i>Chi phí lãi vay góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc</i>	-	<i>11.960.869.445</i>	-	<i>15.716.195.201</i>
<i>Lỗ sau thuế được chia từ dự án đầu tư cầu Rạch Chiếc</i>	-	<i>31.032.528.097</i>	-	-
<i>Chi phí không hợp lý, hợp lệ</i>	<i>1.302.490.857</i>	<i>486.632.698</i>	<i>891.004.717</i>	<i>1.128.673.577</i>
Tổng thu nhập chịu thuế	280.712.251.223	212.782.027.244	230.801.630.368	152.974.442.814
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	<i>(1.322.255.240)</i>	-
Tổng thu nhập tính thuế	280.712.251.223	212.782.027.244	229.479.375.128	152.974.442.814
Thu nhập chịu thuế 20%	-	-	-	<i>152.974.442.814</i>
Thu nhập chịu thuế 10%	<i>280.712.251.223</i>	-	<i>229.479.375.128</i>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	28.071.225.122	42.556.405.449	22.947.937.513	30.594.888.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn	<i>(9.509.207.942)</i>	-	<i>(15.109.850.756)</i>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50%	<i>(9.281.008.590)</i>	-	<i>(3.919.043.379)</i>	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp bị truy thu	<i>55.812.500</i>	-	<i>524.672.811</i>	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.336.821.089	42.556.405.449	4.443.716.189	30.594.888.563

Nhóm Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	162.374.543.678	327.547.782.386
Trừ số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS	(1.637.442.226)	(2.823.570.288)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	160.737.101.452	324.724.212.098
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	833	1.684

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên báo tài chính hợp nhất kỳ trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế của năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2017.

Số trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính theo tỷ lệ 0,3% lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ.

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Nhóm Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Nhóm Công ty không báo cáo theo khu vực địa lý vì sự tập trung và nơi cung cấp hàng hóa dịch vụ của Nhóm Công ty chủ yếu được thực hiện tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty bao gồm 5 bộ phận như sau: hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng; hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T; hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; dịch vụ cho thuê mặt bằng và dịch vụ tư vấn thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ; hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh bán hàng: sản xuất kinh doanh cần đèn, trụ đèn, trụ điện lực, thiết bị điện;
- Hoạt động đầu tư theo hình thức hợp đồng B.T: đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.T;
- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cho thuê mặt bằng, tư vấn thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ: thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Nhóm Công ty lập báo cáo bộ phận theo 5 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần										
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	-	-	40.844.953.450	1.905.111.415	-	497.720.163.813	-	-	-	540.470.228.678
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	5.574.703.526	3.912.237.835	-	-	-	(9.486.941.361)	-	-
Cộng	-	-	46.419.656.976	5.817.349.250	-	497.720.163.813	-	(9.486.941.361)	-	540.470.228.678
Giá vốn										
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	-	-	39.707.902.517	817.792.476	-	146.788.447.530	-	-	-	187.314.142.523
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	5.574.703.526	-	-	-	-	(5.574.703.526)	-	-
Cộng	-	-	45.282.606.043	817.792.476	-	146.788.447.530	-	(5.574.703.526)	-	187.314.142.523
Lợi nhuận gộp bộ phận	-	-	1.137.050.933	4.999.556.774	-	350.931.716.283	-	(3.912.237.835)	-	353.156.086.155
Doanh thu hoạt động tài chính		68.766.991.297								367.584.211.195
Chi phí tài chính		-								279.475.730.389
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-								4.592.792.962
Chi phí bán hàng		-								29.503.979.282
Chi phí quản lý doanh nghiệp		961.274.930								136.260.001.211
Thu nhập khác		-								720.346.438
Chi phí khác		-								1.041.686.804
Chi phí thuế TNDN hiện hành		323.716								51.893.226.538
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại		-								-
Tổng lợi nhuận sau thuế		67.805.392.651								227.878.812.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Sản xuất, kinh doanh bán hàng		Hoạt động đầu tư theo hợp đồng B.T		Thi công, duy tu công trình		Cho thuê mặt bằng, tư vấn thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ		Bán cân hệ Lũy Gia		Hoạt động thu giá dịch vụ sử dụng đường bộ		Loại trừ giao dịch nội bộ		Tổng cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần																
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	73.803.582.800	-	-	85.199.870.936	-	-	1.878.630.321	87.845.119	273.159.728.935	-	-	-	-	-	-	434.129.658.111
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	70.077.660.934	-	-	-	-	-	-	-	-	(70.077.660.934)	-	-	-
Cộng	73.803.582.800	-	-	155.277.531.870	-	-	1.878.630.321	87.845.119	273.159.728.935	-	-	(70.077.660.934)	(70.077.660.934)	-	-	434.129.658.111
Giá vốn																
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	58.846.944.600	-	-	72.571.749.422	-	-	726.174.536	73.789.900	99.807.575.870	-	-	-	-	-	-	232.026.234.328
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	-	-	70.077.660.934	-	-	-	-	-	-	-	-	(70.077.660.934)	-	-	-
Cộng	58.846.944.600	-	-	142.649.410.356	-	-	726.174.536	73.789.900	99.807.575.870	-	-	(70.077.660.934)	(70.077.660.934)	-	-	232.026.234.328
Lợi nhuận gộp bộ phận	14.956.638.200	-	-	12.628.121.514	-	-	1.152.455.785	14.055.219	173.352.153.065	-	-	-	-	-	-	202.103.423.783
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	482.107.441.323
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	16.902.716.353
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	143.240.549.574
Chi phí bán hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22.597.837.601
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	102.327.381.183
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	562.646.522
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	863.370.352
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	35.038.604.752
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng lợi nhuận sau thuế	107.381.437.057	-	-	108.134.915.973	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	397.608.484.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Nhóm Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII")	Công ty mẹ
Công ty CP Xây dựng Hạ tầng CII ("CII E&C")	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Nhóm Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	2017 VND	2016 VND
Giao dịch với Công ty CII		
Nhận tiền hỗ trợ vốn	771.193.380.000	85.621.512.668
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	79.060.000.000	80.544.262.668
Lãi vay hỗ trợ vốn đầu tư vào các dự án B.O.T chưa khai thác	6.648.118.872	11.367.999.341
Lãi vay hỗ trợ vốn, lãi trái phiếu liên quan đến xây dựng cơ bản dở dang	15.487.676.248	4.091.482.609
Nhận tiền mua trái phiếu	180.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong năm	158.150.313.095	195.793.469.186
Hoàn trả vốn góp	25.141.800.000	25.141.800.000
Chuyển tiền cho vay	197.045.000.000	426.400.000.000
Nhận lại tiền cho vay	245.332.569.783	340.027.411.448
Thu lãi cho vay	20.277.430.217	13.178.913.532
Lãi/(lỗ) phát sinh từ hợp đồng góp vốn đầu tư dự án cầu Rạch Chiếc	(31.032.528.097)	19.667.092.390
Giao dịch với Công ty CII E&C		
Chi phí thi công xây dựng công trình	187.804.042.484	281.454.763.313
Thanh toán giá trị thi công xây dựng công trình	444.244.005.968	363.341.954.815
Chuyển nhượng công ty con	78.000.000.000	-
Nhận tiền mua trái phiếu	120.000.000.000	-
Lãi trái phiếu phải trả	7.566.666.667	-
Giao dịch với Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ Gia		
Chi phí thi công công trình xây lắp	42.121.172.551	-
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	53.153.032.314	-
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia		
Chi phí thuê mặt bằng	945.966.847	1.849.480.843
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	-	150.000.000
Thu tiền hỗ trợ vốn	-	150.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

	2017 VND	2016 VND
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí thi công công trình xây lắp	18.315.668.642	21.591.412.053
Thanh toán chi phí thi công công trình xây lắp	23.673.546.492	23.135.922.746
Chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu giá	2.895.930.000	-
Thanh toán chi phí cung cấp, lắp đặt thiết bị trạm thu giá	3.089.957.310	3.346.861.000
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	7.192.143.730	683.657.065
Thanh toán chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	7.515.790.355	714.421.634
Giao dịch với Công ty TNHH Dịch vụ MCSC		
Chi phí dịch vụ thu hộ giá dịch vụ sử dụng đường bộ	21.939.675.176	5.717.769.481
Thanh toán chi phí dịch vụ thu hộ giá dịch vụ sử dụng	25.365.780.538	6.476.398.907
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	1.800.353.206	-
Thanh toán chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ thường xuyên	1.980.388.526	-
Giao dịch với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Nhận tiền mua trái phiếu	100.000.000.000	-
Lãi trái phiếu phải trả	4.750.000.000	-
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:		
	2017 VND	2016 VND
Lương và thưởng	2.894.252.643	1.862.040.000

39. TÀI SẢN TIỀM TẮNG

Theo quy định của Hợp đồng B.O.T Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận, lãi suất được áp dụng để tính thời gian hoàn vốn được lấy theo mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của 3 ngân hàng BIDV, ACB và EXIMBank trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Tuy nhiên lãi suất đi vay trong năm thực tế của Nhóm Công ty đối với nguồn vốn vay tài trợ cho dự án đang thấp hơn so với mức lãi suất áp dụng thu phí hoàn vốn theo hợp đồng. Sự chênh lệch lãi suất nêu trên đã làm phát sinh một khoản tài sản tiềm tàng với giá trị ước tính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 16.298.395.752 VND. Nếu Nhóm Công ty ghi nhận giá trị tài sản tiềm tàng này vào báo cáo tài chính hợp nhất thì khoản lợi nhuận sau thuế của Nhóm Công ty sẽ tăng lên một khoản là 16.298.395.752 VND.



Dương Thị Nhung
Người lập biểu
Ngày 23 tháng 3 năm 2018



Nguyễn Văn Chính
Kế toán trưởng




Nguyễn Văn Thành
Tổng Giám đốc